



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 44
8. Phụ lục	45 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003964, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	28.000.000.000	20,74
Ông Nguyễn Bình Đông	10.000.000.000	7,41
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	5.000.000.000	3,70
Các cổ đông khác	187.000.000.000	68,15
Cộng	230.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-8) 38 622 501
 Fax : (84-8) 38 622 974
 Mã số thuế : 0304075529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 333 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	Số 150, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Đà Nẵng	Khu B4, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh 2 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/16 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 149 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 4 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 5 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 39 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 6 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/29, khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 7 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 656 Quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Tầng 2, cao ốc IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	P1402, tầng 14, tòa nhà LILAMA 10, đường Lê Văn Lương kéo dài, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất; sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Lô G.02B, đường số 1, Khu công nghiệp Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	Số 1101288280, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.	90%
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	Thôn Vĩnh Bảo, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	Số 0900251447, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.	90%
VTJ Vinh Tuong PLC	3174A đường 271, quận Chom Ca Môn, TP. Phnôm Pênh, Campuchia	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 9 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 15 tháng 02 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận của Tập đoàn năm nay giảm so với năm trước chủ yếu do khoản lỗ của Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú và chi phí bán hàng tăng.

Khoản đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC chuyển từ công ty liên kết sang công ty con do các đối tác liên doanh đã thu hồi lại phần vốn góp, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đã nắm được quyền kiểm soát.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Trong năm, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2012 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2012 theo Quyết định 03/BB-HĐQT-12 ngày 14 tháng 12 năm 2012 như sau:

– Trích quỹ dự phòng tài chính	3.290.000.000 VND
– Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.628.000.000 VND
– Trích quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.990.000.000 VND
– Chia cổ tức đợt 02 năm 2011	16.100.000.000 VND
– Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2012	16.100.000.000 VND
Cộng	43.108.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Matthew Christian Everlyn Walker	Phó Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	21 tháng 4 năm 2012
Ông Craig Stephen Chambers	Phó Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Bình Đông	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Phan Thị Lượng	Thành viên	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Trần Đức Huy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Chân	Trưởng ban	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	29 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2009	-
Ông Đặng Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trường Hải	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp, không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 4 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0418/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình bày tại thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		409.691.062.092	393.372.786.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.533.803.639	30.868.564.903
1. Tiền	111		48.533.803.639	30.868.564.903
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.566.415.214	165.377.256.427
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	135.144.022.623	128.284.018.430
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.256.755.609	5.920.728.139
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	15.920.123.730	39.039.008.978
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(8.754.486.748)	(7.866.499.120)
IV. Hàng tồn kho	140		207.176.105.316	184.147.320.937
1. Hàng tồn kho	141	V.6	216.741.158.679	193.025.361.944
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(9.565.053.363)	(8.878.041.007)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.414.737.923	12.979.643.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4.030.991.350	1.200.810.924
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.600.750	7.134.372.808
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.367.145.823	4.644.460.189

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		304.406.554.252	337.366.975.738
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		281.004.355.766	294.580.386.446
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	220.195.992.211	228.784.615.597
<i>Nguyên giá</i>	222		323.300.032.072	277.220.780.399
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(103.104.039.861)	(48.436.164.802)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	59.473.266.058	62.299.622.772
<i>Nguyên giá</i>	228		74.680.850.100	73.918.591.106
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.207.584.042)	(11.618.968.334)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1.335.097.497	3.496.148.077
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.851.439.305	21.698.334.629
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	2.851.439.305	22.988.810.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(1.290.475.371)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.712.221.928	10.019.900.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	6.911.161.356	8.340.100.780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	2.354.180.772	461.919.673
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	1.446.879.800	1.217.879.800
VI. Lợi thế thương mại	269	V.18	9.838.537.253	11.068.354.410
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		714.097.616.344	730.739.761.926

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		337.106.790.651	370.127.018.993
I. Nợ ngắn hạn	310		299.719.122.121	326.940.768.385
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	153.045.739.396	131.984.447.822
2. Phải trả người bán	312	V.20	85.835.211.092	135.402.764.471
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	1.635.528.516	4.484.721.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	6.779.918.830	11.111.082.116
5. Phải trả người lao động	315	V.23	2.892.982.445	2.195.216.939
6. Chi phí phải trả	316	V.24	23.884.460.768	12.708.107.439
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	23.787.354.655	27.243.224.052
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.857.926.419	1.811.204.338
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.387.668.530	43.186.250.608
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	36.954.715.130	42.560.348.352
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.28	-	142.324.856
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	432.953.400	483.577.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		368.526.636.637	350.401.739.893
I. Vốn chủ sở hữu	410		368.526.636.637	350.401.739.893
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	230.000.000.000	230.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	38.000.000.000	38.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	6.552.049.200	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	12.251.480.349	8.961.419.045
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	81.723.107.088	73.440.320.848
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	8.464.189.056	10.211.003.040
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		714.097.616.344	730.739.761.926

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU

Số cuối năm

Số đầu năm

- | | | |
|--|-------------|-------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 275.696.339 | 275.696.339 |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 279.581,18 | 153.965,83 |
| Dollar Singapore (SGD) | 485,92 | 485,92 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

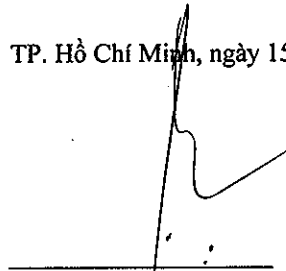
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.464.186.945.678	1.342.507.584.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.637.826.393	1.243.270.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.456.549.119.285	1.341.264.313.787
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.254.920.900.666	1.177.374.388.881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		201.628.218.619	163.889.924.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.900.075.085	19.223.689.408
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.044.564.683	25.469.251.555
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.763.947.772	24.752.317.508
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	94.179.780.735	55.677.165.495
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	40.991.257.726	30.705.155.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.312.690.560	71.262.042.189
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.324.741.751	3.437.496.436
12. Chi phí khác	32	VI.8	637.989.867	1.120.767.772
13. Lợi nhuận khác	40		4.686.751.884	2.316.728.664
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		115.355.476	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.114.797.920	73.578.770.853
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	4.505.092.838	8.031.128.781
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.034.585.955)	(253.584.010)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>49.644.291.037</u>	<u>65.801.226.082</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		<u>(1.746.813.984)</u>	<u>(958.796.530)</u>
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>51.391.105.021</u>	<u>66.760.022.612</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>2.234</u>	<u>2.940</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013


 Nguyễn Văn Tuấn
 Kế toán trưởng


 Trần Đức Huy
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.114.797.920	73.578.770.853
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	34.479.880.978	14.630.562.383
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.7	1.574.999.984	3.470.195.427
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(3.060.604)	(481.794.996)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.871.951.439)	(246.169.731)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	24.763.947.772	24.752.317.508
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		109.058.614.611	115.703.881.444
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		120.318.184.965	81.903.450.902
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.877.864.487)	(18.271.951.446)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(73.127.153.172)	(123.685.655.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.309.551.075	(3.454.444.621)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(25.398.439.096)	(25.942.617.948)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(8.476.633.637)	(7.827.627.728)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.207.686.371	12.697.078.501
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.526.535.297)	(12.271.822.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.487.411.333	18.850.291.415
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, VII	(67.112.514.942)	(131.566.949.039)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	216.720.730	197.048.648
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	114.958.252	1.538.089.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.780.835.960)	(129.831.811.308)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

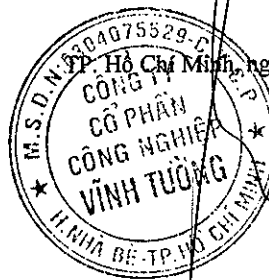
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	95.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19, V.27	573.168.850.264	526.036.101.357
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.27	(567.139.786.836)	(503.284.295.123)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(39.073.460.669)	(27.025.807.708)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.044.397.241)	90.725.998.526
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.662.178.132	(20.255.521.367)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.868.564.903	51.120.836.203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.060.604	3.250.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	48.533.803.639	30.868.564.903

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Lô G.02B, đường số 1, Khu công nghiệp Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	90%	90%
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	Thôn Vĩnh Bảo, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	90%	90%
VTJ Vinh Tuong PLC	3174A đường 271, quận Chom Ca Môn, TP. Phnôm Pênh, Campuchia	100%	100%

6. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
VTJ (Singapore) Private Limited	Số 48 Toh Guan Road East # 08-103 Enterprise Hub, Singapore (608586)	40%	40%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 803 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 659 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Lợi nhuận của Tập đoàn năm nay giảm so với năm trước chủ yếu do khoản lỗ của Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú và chi phí bán hàng tăng.

Khoản đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC chuyển từ công ty liên kết sang công ty con do các đối tác liên doanh đã thu hồi lại phần vốn góp, Công ty cổ phần Vĩnh Tường đã nắm được quyền kiểm soát.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này quy định tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các quy định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Tập đoàn đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Trong đó:

- Quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (43 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc được xác định căn cứ theo giá thị trường và đã được các cổ đông thống nhất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (48 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Long Hậu là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

Giá trị công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và những chi phí liên quan khác. Giá trị nhận chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa là chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao 10 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 đến 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2006. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 đến 03 năm.

Chi phí thuê nhà

Chi phí thuê nhà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty cổ phần Hiệp Phú chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty này bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiền thuê đất

Là số tiền đã ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã được cơ quan có thẩm quyền xác định số được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm. Số phân bổ trong năm là tiền sử dụng đất được Cơ quan thuế khấu trừ của năm tài chính hiện hành.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty trong tập đoàn và Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm, cụ thể như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm	Không có mức trích lập tối đa

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.816 VND/USD

23. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.998.042.824	8.284.979.400
Tiền gửi ngân hàng	35.656.349.399	22.357.979.845
Tiền đang chuyển	879.411.416	225.605.658
Cộng	48.533.803.639	30.868.564.903

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (*)	119.836.554.579	125.557.127.124
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	-	32.109.629
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	2.694.781.677	2.694.781.677
Tại VTJ Vĩnh Tường PLC	12.612.686.367	-
Cộng	135.144.022.623	128.284.018.430

(*) Trong đó, khoản phải thu trị giá 4 triệu USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	2.015.314.609	3.799.053.255
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	6.930.000	905.024.884
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	1.234.511.000	1.216.650.000
Cộng	3.256.755.609	5.920.728.139

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu tạm nộp	2.997.691.915	6.540.626.724
Phải thu tiền chiết khấu hàng mua	6.434.814.534	7.100.268.426
Ông Nguyễn Thành Hưng - tiền cho mượn	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - tiền cho mượn	-	150.000.000
Ông Trần Đức Huy - tiền cho mượn	2.043.000.000	2.043.000.000
Công ty TNHH xây dựng & thương mại Chí Hiếu	3.866.277.378	21.879.101.370
Các khoản phải thu khác	478.339.903	1.226.012.458
Cộng	15.920.123.730	39.039.008.978

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	4.844.705.071	3.956.717.443
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	856.193.572	591.102.305
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.310.590.394	1.437.955.782
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	109.173.490	1.738.584.488
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	2.568.747.615	189.074.868
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.909.781.677	3.909.781.677
Cộng	8.754.486.748	7.866.499.120

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	7.866.499.120
Trích lập dự phòng bổ sung	887.987.628
Số cuối năm	8.754.486.748

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	14.110.565.317	12.859.459.264
Nguyên liệu, vật liệu	119.429.687.844	112.772.054.683
Công cụ, dụng cụ	3.574.064.750	1.215.970.684
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.837.227.884	10.449.508.394
Thành phẩm	53.438.138.583	39.239.987.258
Hàng hóa	23.351.474.301	16.488.381.661
Cộng	216.741.158.679	193.025.361.944

Một số hàng hóa trong kho có giá trị 6 triệu USD đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.329.484.280	4.415.596.039
Thành phẩm	3.235.569.083	4.462.444.968
Cộng	9.565.053.363	8.878.041.007

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	8.878.041.007
Trích lập dự phòng bổ sung	687.012.356
Số cuối năm	9.565.053.363

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	848.735.899	447.187.026
Chi phí bảo lãnh	928.625.000	122.000.000
Chi phí bảo trì, sửa chữa	-	127.477.908
Chi phí đồng phục	-	363.650.200
Chi phí khác	2.253.630.451	140.495.790
Cộng	4.030.991.350	1.200.810.924

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.594.810.091	3.555.743.911
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.676.853.397	1.088.716.278
Tài sản thiếu chờ xử lý	95.482.335	-
Cộng	4.367.145.823	4.644.460.189

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	128.316.843.172	128.186.544.817	17.383.760.494	3.333.631.916	277.220.780.399
Tăng trong năm	19.925.700.806	23.633.544.206	3.062.708.120	1.884.449.900	48.506.403.032
Mua sắm mới	1.749.232.685	8.055.967.878	883.162.060	388.393.405	11.076.756.028
Đầu tư XDCB hoàn thành	117.308.908	-	-	-	117.308.908
Tăng khác (Số đầu năm VTJ Vĩnh Tường PLC)	18.059.159.213	15.577.576.328	2.179.546.060	1.496.056.495	37.312.338.096
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.252.951.359)	(150.000.000)	(24.200.000)	(2.427.151.359)
Số cuối năm	148.242.543.978	149.567.137.664	20.296.468.614	5.193.881.816	323.300.032.072
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	18.642.105.544	2.568.189.079	489.187.800	21.699.482.423
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.157.686.290	30.485.058.724	6.729.441.005	1.063.978.783	48.436.164.802
Khấu hao trong năm	10.176.755.488	15.941.225.273	2.937.060.501	689.644.704	29.744.685.966
Tăng khác (Số đầu năm VTJ Vĩnh Tường PLC)	14.224.414.493	10.085.682.404	1.485.064.101	1.450.834.949	27.245.995.947
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.163.285.751)	(147.916.643)	(11.604.460)	(2.322.806.854)
Số cuối năm	34.558.856.271	54.348.680.650	11.003.648.964	3.192.853.976	103.104.039.861

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	118.159.156.882	97.701.486.093	10.654.319.489	2.269.653.133	228.784.615.597
Số cuối năm	<u>113.683.687.707</u>	<u>95.218.457.014</u>	<u>9.292.819.650</u>	<u>2.001.027.840</u>	<u>220.195.992.211</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 217.911.140.261 VND và 182.880.329.976 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị công nghệ	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính và chứng chỉ ISO	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	45.013.568.809	12.222.813.185	16.000.000.000	682.209.112	73.918.591.106
Tăng do hợp nhất	-	-	-	196.349.930	196.349.930
Mua sắm mới	-	548.205.264	-	17.703.800	565.909.064
Số cuối năm	<u>45.013.568.809</u>	<u>12.771.018.449</u>	<u>16.000.000.000</u>	<u>896.262.842</u>	<u>74.680.850.100</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	60.500.000	60.500.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.115.059.427	-	9.199.999.977	303.908.930	11.618.968.334
Tăng do hợp nhất	-	-	-	83.237.853	83.237.853
Khấu hao trong năm	884.549.478	830.082.141	1.599.999.996	190.746.240	3.505.377.855
Số cuối năm	<u>2.999.608.905</u>	<u>830.082.141</u>	<u>10.799.999.973</u>	<u>577.893.023</u>	<u>15.207.584.042</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.898.509.382	12.222.813.185	6.800.000.023	378.300.182	62.299.622.772
Số cuối năm	<u>42.013.959.904</u>	<u>11.940.936.308</u>	<u>5.200.000.027</u>	<u>318.369.819</u>	<u>59.473.266.058</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.873.922.157 VND và 15.634.521.526 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.280.376.277	5.509.519.902	(7.638.904.872)	-	1.150.991.307
- Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	3.280.376.277	1.045.222.276	(3.174.607.246)	-	1.150.991.307
- Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	-	4.464.297.626	(4.464.297.626)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	215.771.800	301.415.098	(117.308.908)	(215.771.800)	184.106.190
- Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	215.771.800	117.308.908	(117.308.908)	(215.771.800)	-
- Tại VTJ Vĩnh Tường PLC	-	184.106.190	-	-	184.106.190
Cộng	3.496.148.077	5.810.935.000	(7.756.213.780)	(215.771.800)	1.335.097.497

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Hiệp Phú ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	105.000.000.000 VND	90%	90%
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	10.000.000.000 VND	90%	90%
VTJ Vĩnh Tường PLC ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	1.125.000 USD	100%	49%

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101288280 ngày 09 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú 94.500.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.
- (ii) Trong năm 2011, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường nhận chuyển nhượng 90.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đ/cổ phần) tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900251447 ngày 09 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp). Giá chuyển nhượng là 20.430.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 9 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 15 tháng 02 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đầu tư vào VTJ Vĩnh Tường PLC 2.500.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường đã đầu tư 1.225.000 USD. Năm nay, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường chuyển khoản đầu tư này từ công ty liên kết sang công ty con do các đối tác liên doanh thu hồi lại phần vốn góp, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường nắm quyền kiểm soát toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
VTJ Vinh Tuong PLC	Sản xuất	-	-	49%	20.192.010.000
VTJ (Singapore) Private Limited ⁽ⁱ⁾	Thương mại	40%	2.851.439.305	40%	2.796.800.000
Cộng			2.851.439.305		22.988.810.000

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 206/BKH - ĐTRNN ngày 09 tháng 12 năm 2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited USD 160.000, tương đương 40% vốn điều lệ.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát sinh trong năm		Phân bổ vào chi phí trong năm	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.551.710.724	2.642.393.117	(2.320.283.471)	1.873.820.370
Lợi thế thương mại ^(*)	1.120.815.524	-	(274.485.456)	846.330.068
Chi phí sửa chữa	1.706.952.764	335.862.785	(1.166.450.291)	876.365.258
Chi phí thuê nhà	505.599.727	691.284.643	(652.751.806)	544.132.564
Chi phí trước hoạt động	1.638.612.882	-	(546.204.288)	1.092.408.594
Tiền thuê đất	1.298.059.330	-	(74.568.000)	1.223.491.330
Chi phí khác	518.349.829	384.726.548	(448.463.205)	454.613.172
Cộng	8.340.100.780	4.054.267.093	(5.483.206.517)	6.911.161.356

- ^(*) Khoản chênh lệch giữa giá trị nhận góp vốn với giá trị tài sản thuần (giá trị tài sản thuần đã được định giá lại bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A) của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (Chi nhánh Vĩnh Phúc) tại thời điểm nhận sáp nhập Chi nhánh.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	461.919.673
Số phát sinh	1.892.261.099
Số cuối năm	2.354.180.772

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

18. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	12.298.171.567
Số cuối năm	12.298.171.567
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	1.229.817.157
Phân bổ trong năm	1.229.817.157
Số cuối năm	2.459.634.314
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	11.068.354.410
Số cuối năm	9.838.537.253

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	140.521.725.764	112.129.668.178
- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	-	3.175.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	57.579.017.886	43.905.375.985
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	31.192.253.693	36.522.342.865
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(b)	47.399.273.373	16.684.196.347
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	-	11.842.752.981
- ANZ Royal Bank (Cambodia) ^(c)	4.351.180.812	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.600.000.000	12.730.750.000
- Công ty cổ phần Vĩnh Tường	-	5.000.000.000
- Các cá nhân khác ^(d)	2.600.000.000	7.730.750.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	9.924.013.632	7.124.029.644
Cộng	153.045.739.396	131.984.447.822

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD; hàng hóa trong kho trị giá 4 triệu USD; máy móc thiết bị trị giá 11 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan trị giá 10 triệu USD.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa tại kho nhà máy Hưng Yên, thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Phúc trị giá 2 triệu USD; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD và bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.
- (c) Khoản vay Ngân hàng ANZ Royal (Cambodia) để bổ sung vốn lưu động.
- (d) Vay Bà Đoàn Thị Cẩm Nhung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 14%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.129.668.178	528.158.734.400	9.426.594.924	(509.193.271.738)	140.521.725.764
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.730.750.000	6.600.000.000	-	(16.730.750.000)	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.124.029.644	-	9.924.013.620	(7.124.029.632)	9.924.013.632
Cộng	131.984.447.822	534.758.734.400	19.350.608.544	(533.048.051.370)	153.045.739.396

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	66.770.499.295	57.568.327.761
Tại Công ty cổ phần Hiệp Phú	17.525.549.511	77.687.191.659
Tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	27.564.750	147.245.051
Tại VTJ Vĩnh Tường PLC	1.511.597.536	-
Cộng	85.835.211.092	135.402.764.471

21. Người mua trả tiền trước

Các khoản người mua trả trước tiền mua hàng tại Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.192.344.281	19.215.819.670	(17.495.574.761)	3.912.589.190
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	227.081.099	4.820.510.293	(5.030.990.641)	16.600.751
Thuế xuất, nhập khẩu	1.765.827.618	2.855.398.775	(4.602.480.971)	18.745.422
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.986.379.174	4.505.092.838	(8.476.633.637)	2.014.838.375
Thuế thu nhập cá nhân	909.896.662	2.670.170.135	(2.762.921.705)	817.145.092
Tiền thuê đất	-	24.984.364	(24.984.364)	-
Các loại thuế khác	29.553.282	134.656.168	(164.209.450)	-
Cộng	11.111.082.116	34.226.632.243	(38.557.795.529)	6.779.918.830

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003964 ngày 24 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, Trụ sở chính Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 588/CNUĐĐT ngày 04 tháng 3 năm 2005 do Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Chi nhánh Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cổ phần Hiệp Phú

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000213 ngày 09 tháng 7 năm 2010 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Long An cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông

Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do có tổng nguồn vốn và số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	4.060.236.821
- Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông	444.856.017
Cộng	4.505.092.838

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	314.239.206	764.730.530
Chi phí các chương trình khuyến mại	9.327.361.518	5.871.897.433
Chi phí chiết khấu	8.635.465.333	-
Chi phí vận chuyển	2.057.347	266.889.778
Trích trước chi phí các công trình	3.499.908.999	3.380.081.413
Chi phí khác	2.105.428.365	2.424.508.285
Cộng	23.884.460.768	12.708.107.439

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	106.143.807	44.235.088
Kinh phí công đoàn	350.939.045	212.600.681
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	3.332.609	27.129.165
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - tiền mượn	-	90.722.583
Ông Đặng Minh Phương - tiền mượn	5.047.439.390	3.230.000.000
Ông Nguyễn Bá Thọ - tiền mượn	-	83.730.000
Công ty cổ phần Vĩnh Tường - lãi vay phải trả	-	184.000.000
Cổ tức phải trả	16.400.731.623	23.274.192.292
Phải trả khác	1.878.768.181	96.614.243
Cộng	23.787.354.655	27.243.224.052

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.811.204.338
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.618.257.477
Chi quỹ	(7.571.535.396)
Số cuối năm	1.857.926.419

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam	-	171.656.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè	-	28.681.619.602
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An ^(a)	30.150.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	6.804.715.130	10.207.072.750
Cộng	36.954.715.130	42.560.348.352

(a) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An để xây dựng nhà máy sản xuất tấm Fiber Cement tại Khu công nghiệp Long Hậu, tỉnh Long An, thời hạn vay 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng tại Lô G.02B, đường số 1, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và dây chuyền sản xuất tấm Fiber Cement.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để xây dựng nhà máy tại tỉnh Hưng Yên và nhập khẩu máy móc mới. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hạng mục nhà xưởng, nhà văn phòng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	9.924.013.632
Trên 01 năm đến 05 năm	36.954.715.130
Tổng nợ	46.878.728.762



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	42.560.348.352
Số tiền vay phát sinh trong năm	38.410.115.864
Số tiền vay đã trả trong năm	(34.091.735.466)
Số kết chuyển	(9.924.013.620)
Số cuối năm	36.954.715.130

28. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	142.324.856
Hoàn nhập	(142.324.856)
Số cuối năm	-

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	483.577.400
Số đã chi	(50.624.000)
Số cuối năm	432.953.400

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 45.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	23.273.812.292
Tạm ứng cổ tức	15.799.648.377
Cộng	39.073.460.669

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của VTJ Vinh Tuong PLC và khoản đầu tư vào Công ty liên kết VTJ (Singapore) Private Limited.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	10.211.003.040
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty cổ phần Hiệp Phú	(1.977.097.806)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	230.283.822
Số cuối năm	8.464.189.056

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.464.186.945.678	1.342.507.584.297
- Doanh thu bán hàng hóa	726.370.452.029	688.821.787.326
- Doanh thu bán thành phẩm	714.901.902.768	642.072.176.679
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.065.261.182	-
- Doanh thu hoạt động xây dựng	21.849.329.699	11.613.620.292
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.637.826.393)	(1.243.270.510)
- Chiết khấu thương mại	(4.873.774.576)	-
- Giảm giá hàng bán	(2.741.581.982)	(58.082.207)
- Hàng bán bị trả lại	(22.469.835)	(1.185.188.303)
Doanh thu thuần	1.456.549.119.285	1.341.264.313.787
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	724.066.410.205	687.756.362.985
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	709.568.118.199	641.894.330.510
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.065.261.182	-
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	21.849.329.699	11.613.620.292

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	666.901.288.151	643.876.914.073
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	566.063.269.643	522.262.591.232
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	21.605.094.758	12.328.420.161
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	351.248.114	(1.093.536.585)
Cộng	1.254.920.900.666	1.177.374.388.881

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	247.406.171	381.768.238
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	114.958.252	1.503.279.516
Chiết khấu thanh toán	2.895.663.444	12.966.459.740
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.725.128	3.855.577.351
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.060.604	481.794.996
Lãi mua Công ty con	3.529.261.486	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	34.809.567
Cộng	6.900.075.085	19.223.689.408

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.763.947.772	24.752.317.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	345.965.093	426.022.376
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(78.138.660)
Chi phí khác	934.651.818	369.050.331
Cộng	26.044.564.683	25.469.251.555

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.092.448.613	16.186.564.008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.066.766.547	561.332.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.708.411.036	2.580.779.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.590.076.879	27.049.463.408
Chi phí khác	25.722.077.660	9.299.026.349
Cộng	94.179.780.735	55.677.165.495

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.706.062.234	11.867.161.214
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.643.638.435	1.367.259.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.509.615.523	685.046.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.857.775.005	4.864.920.676
Phân bổ lợi thế thương mại	1.229.817.157	1.229.817.157
Chi phí khác	6.044.349.372	10.690.949.924
Cộng	40.991.257.726	30.705.155.075

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	216.720.730	197.048.648
Nhà cung cấp bồi thường hàng hỏng	39.781.986	42.179.810
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	3.407.216.677	2.245.426.688
Các khoản khác	1.661.022.358	952.841.290
Cộng	5.324.741.751	3.437.496.436

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	104.344.505	259.150.843
Phạt do vi phạm hợp đồng	454.735.126	-
Xử lý hàng tồn kho không còn trên thực tế	-	594.181.513
Các khoản chi phí khác	78.910.236	267.435.416
Cộng	637.989.867	1.120.767.772

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	142.324.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.892.261.099)	(461.919.673)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(142.324.856)	66.010.807
Cộng	(2.034.585.955)	(253.584.010)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.391.105.021	66.760.022.612
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.391.105.021	66.760.022.612
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	23.000.000	22.710.783
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.234	2.940

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.000.000	13.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	9.210.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.000.000	22.710.783

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền và các giao dịch liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải trả người bán tiền mua tài sản cố định	3.939.069.521	62.186.720.316
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	-	765.724.884
Lãi vay phải trả	314.239.206	764.730.530
Vốn hóa chi phí lãi vay	-	1.317.818.048
Chi phí chạy thử sản phẩm kết chuyển tăng nguyên giá TSCĐ	-	6.180.003.758

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường sử dụng các tài sản sau để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty cổ phần Hiệp Phú tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh, gồm:

- Hàng tồn kho, giá trị các khoản phải thu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 1.250.000 USD và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè. TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 20 tỷ VNĐ và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.

Ngoài ra, Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường cũng bảo đảm trả nợ cho khoản vay của VTJ Vinh Tuong PLC (bên được bảo lãnh) tại ANZ Royal Bank (Cambodia) theo Giấy cam kết bảo lãnh ngày 13 tháng 6 năm 2012. Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 600.000 USD.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Trả tiền vay	-	(16.000.000.000)
Lãi vay	390.833.333	1.068.635.528
Mượn tiền	38.997.189.000	-
Trả tiền mượn	-	(26.800.000.000)
Ban điều hành		
Mượn tiền	4.481.281.890	1.950.000.000
Trả tiền mượn	(2.663.842.500)	(160.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường và Công ty cổ phần Hiệp Phú như sau:

- Cầm cố cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh;
- Bảo lãnh cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số dư nợ gốc tối đa là 10.000.000 USD và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này;
- Bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	-	3.000.000.000
Ban điều hành	5.047.439.390	3.230.000.000
Cộng nợ phải trả	5.047.439.390	6.230.000.000
Ban điều hành	2.043.000.000	2.043.000.000
Cộng nợ phải thu	2.043.000.000	2.043.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.640.563.404	4.480.063.138
Tiền thưởng	446.627.000	200.072.000
Cộng	6.087.190.404	4.680.135.138

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
VTJ (Singapore) Private Limited	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Tường là Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường là cá nhân có liên quan với Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch HĐQT Công ty)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

VTJ (Singapore) Private Limited		
Bán hàng	16.048.137.540	21.941.807.025
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Bán hàng	7.009.955.618	-
Vay và mượn tiền	3.000.000.000	13.000.000.000
Lãi vay	755.333.333	184.000.000
Mua tài sản cố định	435.000.000	-
Mua hàng hóa	88.412.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>VTJ (Singapore) Private Limited</i>		
Phải thu tiền hàng	14.460.610.098	11.454.983.857
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Tường</i>		
Phải thu tiền hàng	849.338.034	389.651.999
Cộng nợ phải thu	15.309.948.132	11.844.635.856
 <i>Công ty cổ phần Vĩnh Tường</i>		
Phải trả vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
Phải trả lãi vay	-	184.000.000
<i>Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường</i>		
Phải trả tiền chi phí vận chuyển	710.218.400	-
Cộng nợ phải trả	710.218.400	5.184.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam, khu vực miền Bắc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 46 đến trang 47.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.723.453.670	7.643.984.870
Trên 01 năm đến 05 năm	2.617.453.670	10.691.548.478
Trên 05 năm	284.565.217	299.782.609
Cộng	7.625.472.557	18.635.315.957

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.533.803.639	-	-	-	48.533.803.639
Phải thu khách hàng	125.385.371.652	-	-	9.758.650.971	135.144.022.623
Các khoản phải thu khác	12.464.105.290	-	-	1.073.499.812	13.537.605.102
Cộng	186.383.280.581	-	-	10.832.150.783	197.215.431.364
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.868.564.903	-	-	-	30.868.564.903
Phải thu khách hàng	128.284.018.430	-	-	-	128.284.018.430
Các khoản phải thu khác	44.901.348.967	-	-	-	44.901.348.967
Cộng	204.053.932.300	-	-	-	204.053.932.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	153.359.978.602	36.954.715.130	-	190.314.693.732
Phải trả người bán	85.835.211.092	-	-	85.835.211.092
Các khoản phải trả khác	34.481.786.424	-	-	34.481.786.424
Cộng	273.676.976.118	36.954.715.130	-	310.631.691.248
Số đầu năm				
Vay và nợ	131.984.447.822	42.560.348.352	-	174.544.796.174
Phải trả người bán	135.402.764.471	-	-	135.402.764.471
Các khoản phải trả khác	42.146.548.430	483.577.400	-	42.630.125.830
Cộng	309.533.760.723	43.043.925.752	-	352.577.686.475

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	279.581,18	485,92	153.964,02	485,92
Phải thu khách hàng	1.543.752,83	-	1.576.288,61	-
Các khoản phải thu khác	143.185,26	-	-	-
Vay và nợ	(208.910,16)	-	-	-
Phải trả người bán	(72.910,97)	-	-	-
Các khoản phải trả khác	(52.057,02)	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.632.641,12	485,92	1.730.252,63	485,92

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(207.267.076.214)	208.910,16	(141.969.848.572)	452.592,42
Nợ phải trả thuần	(207.267.076.214)	208.910,16	(141.969.848.572)	452.592,42

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 4.145.341.524 VND (năm trước giảm/tăng 2.839.396.971 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay/kỳ này không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	-	600.000 USD
Phải thu khách hàng	4.000.000 USD	5.000.000 USD
Cộng	4.000.000 USD	5.600.000 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.533.803.639		30.868.564.903		48.533.803.639	30.868.564.903
Phải thu khách hàng	135.144.022.623	(7.680.986.936)	128.284.018.430	(6.968.789.105)	127.463.035.687	121.315.229.325
Các khoản phải thu khác	13.537.605.102	(1.073.499.812)	44.901.348.967	(897.710.015)	12.464.105.290	44.003.638.952
Cộng	197.215.431.364	(8.754.486.748)	204.053.932.300	(7.866.499.120)	188.460.944.616	196.187.433.180

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	190.000.454.526	174.544.796.174	190.000.454.526	174.544.796.174
Phải trả người bán	85.835.211.092	135.402.764.471	85.835.211.092	135.402.764.471
Các khoản phải trả khác	34.796.025.630	42.630.125.830	34.796.025.630	42.630.125.830
Cộng	310.631.691.248	352.577.686.475	310.631.691.248	352.577.686.475

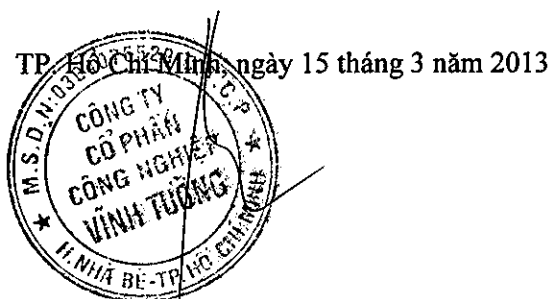
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

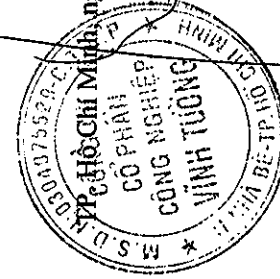
Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000		38.000.000.000	-	6.008.060.233	55.337.657.048	234.345.717.281
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	95.000.000.000		-	-	-	-	95.000.000.000
Lợi nhuận năm trước	-		-	-	-	66.760.022.612	66.760.022.612
Trích lập các quỹ	-		-	-	2.953.358.812	(11.857.358.812)	(8.904.000.000)
Chia cổ tức	-		-	-	-	(36.800.000.000)	(36.800.000.000)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000		38.000.000.000	-	8.961.419.045	73.440.320.848	350.401.739.893
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000		38.000.000.000	-	8.961.419.045	73.440.320.848	350.401.739.893
Lợi nhuận năm nay	-		-	-	-	51.391.105.021	51.391.105.021
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-		-	6.552.049.200	-	-	6.552.049.200
Trích lập các quỹ	-		-	-	3.290.061.304	(10.908.318.781)	(7.618.257.477)
Chia cổ tức trong năm	-		-	-	-	(32.200.000.000)	(32.200.000.000)
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000		38.000.000.000	6.552.049.200	12.251.480.349	81.723.107.088	368.526.636.637



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:					Đơn vị tính: VND
Năm nay	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	839.893.009.300	447.765.682.559	168.890.427.426	-	1.456.549.119.285
ra bên ngoài					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	191.500.033.063	8.428.980.000	-	(199.929.013.063)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.031.393.042.363	456.194.662.559	168.890.427.426	(199.929.013.063)	1.456.549.119.285
Chi phí bộ phận	916.795.319.613	378.374.821.528	156.936.707.588	(197.185.948.063)	1.254.920.900.666
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	114.597.722.750	77.819.841.031	11.953.719.838	(2.743.065.000)	201.628.218.619
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					135.171.038.461
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					66.457.180.158
Doanh thu hoạt động tài chính					6.900.075.085
Chi phí tài chính					26.044.564.683
Thu nhập khác					5.324.741.751
Chi phí khác					637.989.867
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					115.355.476
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					4.505.092.838
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.034.585.955)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					49.644.291.037

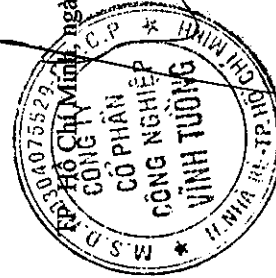
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ					
ra bên ngoài	793.765.624.003	475.005.669.047	72.493.020.737	-	1.341.264.313.787
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	74.306.086.717	3.878.550.000	-	(78.184.636.717)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	868.071.710.720	478.884.219.047	72.493.020.737	(78.184.636.717)	1.341.264.313.787
Chi phí bộ phận	770.985.461.616	402.524.174.840	76.073.407.660	(72.208.655.235)	1.177.374.388.881
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	97.086.249.104	76.360.044.207	(3.580.386.923)	(5.975.981.482)	163.889.924.906
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					86.382.320.570
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					77.507.604.336
Doanh thu hoạt động tài chính					19.223.689.408
Chi phí tài chính					25.469.251.555
Thu nhập khác					3.437.496.436
Chi phí khác					1.120.767.772
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết; liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					8.031.128.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(253.584.010)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					65.801.226.082

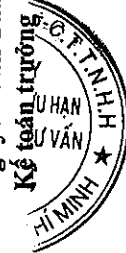


ngày 15 tháng 3 năm 2013

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Trần Đức Huy

Tổng Giám đốc